

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCl+CTK3	7:25	5+17	0+0		3+19	0+0	
2		PPD+P6	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
3		TD3+RP3	7:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
4		TD5+SAVR+CLO	7:25	18+4+0	0+0+0		15+6+0	0+0+0	chuyen 1 TD5-CLO
5		AMD+BK6	9:25	22+0	0+0		12+10	0+0	
6		P4+AMD	9:25	20+2	0+0		17+4	0+0	
7		RP3+PPD	9:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
8		CTK3+BK16+GTCl	11:25	17+5+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
9		RP3	11:25	19	0		19	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ GTCl -1nguoi đi về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2025	TO: GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO -	ETA: 09:20
XANH-1		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG XUÂN HIỆU	GTC1	53	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	54	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HIỆU TRUNG	GTC1	52	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	51	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ HỮU THANG	GTC1	55	1	4			83	DK9	Vietnamese
6	PHẠM MINH TUÂN	CTK3	79-80	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HAI (10749)	CTK3	31	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3	34	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	02	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	01	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	43	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	04	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	37-38	2	18			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	42	1	5	4	70	55	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	99	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NAM HAI	CTK3	39-40	2	12			83	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	05	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO ĐÌNH THAM	CTK3	35-36	2	9			60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	33	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
20	VÔ MẠU MÈN	CTK3	32	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC BẦU	CTK3	41	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH ĐỨC TRUNG	CTK3	03	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		GTC1	5	376	5	29	0	0	3			
2		CTK3	17	1.233	21	127	4	70	19			
		TOTAL	22	1.609	26	156	4	70	22			
		WEIGHT KG		1.609		156		70				

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/05/2025	TO: PPD - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DUONG - HTRUNG - THANH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN ĐỨC KHANG	PPD	65	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
2	TU NGOC HAI	PPD	55-56	2	11			79	KHI	Vietnamese
3	BUI HUU LAN	PPD	62	1	6			77	KHI	Vietnamese
4	PHAM VAN SON	PPD	54	1	5			62	KHI	Vietnamese
5	PHAM ĐỨC TUAN	PPD	60	1	4			70	KHI	Vietnamese
6	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	52	1	5			58	KHI	Vietnamese
7	TRAN ĐỨC DUY	PPD	53	1	9			71	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN VINH	PPD	49	1	5			76	KHI	Vietnamese
9	DO VAN TU	PPD	51	1	4			66	KHI	Vietnamese
10	LAM QUANG NAM	PPD	61	1	10			79	KHI	Vietnamese
11	HOANG MINH HIEU	PPD	50	1	6			73	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC THU	PPD	66	1	5			62	KHI	Vietnamese
13	PHAM HONG THAI	PPD	59	1	5			67	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	63	1	9			50	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	PPD	57	1	4			81	KHI	Vietnamese
16	DOAN DUY HUNG	PPD	58	1	6			87	KHI	Vietnamese
17	DANG VAN BAN	PPD						87	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC NGOC	PPD	64	1	5			67	KHI	Vietnamese
19	HUYNH NAM LONG	PPD	48	1	8			78	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG HOA	P6	93	1	14	1	20	82	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN QUY HIEU	P6	91-92	2	10			75	XAYLAP	Vietnamese
22	MAI VAN LINH	P6	88-89	2	12			82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		PPD	19	1.370	19	114	0	0	18			
2		P6	3	239	5	36	1	20	4			
		TOTAL	22	1.609	24	150	1	20	22			
		WEIGHT KG		1.609		150		20				

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2025	TO: TD3 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HAI	TD3	48	1	7	5	90	78	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN THUONG	TD3	67	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG MINH TOAN	TD3	72	1	6			59	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN HUU THO	TD3	70	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
5	LAI THE DAT	TD3	04.02	2	19			93	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH AI HUU	TD3	97-99	3	13			79	KHOAN	Vietnamese
7	LE ANH THOI	TD3	03	1	9			95	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LINH	TD3	06-07	2	13			72	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANG LOI	TD3	05	1	8			59	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN CHUNG	TD3	100	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
11	DO HOAI NAM	TD3	47	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
12	TRANG NGOC HUNG	TD3	63	1	14			67	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN CHINH	TD3	64	1	9			76	MERMAID	Vietnamese
14	TRAN VAN THUC	TD3	65-66	2	13	2	27	61	MERMAID	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	TD3	68-89	2	14			89	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG PHONG	TD3	46	1	13	1	7	68	CODIEN	Vietnamese
17	LUONG XUAN DUOC	TD3	73	1	3			66	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VU BA LINH	TD3	71	1	5			69	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN HUNG	RP3						80	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CU	RP3	67	1	3			56	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TAN	RP3						66	KHI	Vietnamese
22	LANH TRUNG DONG	RP3	66	1	6			67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD3	18	1.327	24	168	8	124	18			
2		RP3	4	269	2	9	0	0	4			
		TOTAL	22	1.596	26	177	8	124	22			
		WEIGHT KG		1.596		177		124				

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/05/2025	TO: TD5 - SAVR - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 19:35
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU TRONG HACH	TD5	81	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TAM	TD5	78	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAN VINH	TD5	67-68	2	15			77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANH	TD5	73	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN PHUNG QUE	TD5	79	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN HUNG	TD5	69	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VINH DUY	TD5	74	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	77	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	TD5						85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TIEN	TD5	70-71	2	20			91	KHOAN	Vietnamese
11	DINH QUANG CHIEN	TD5	84	1	16			74	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DUY DUC	TD5	75-76	2	15			79	KHOAN	Vietnamese
13	MAI THE HIEN	TD5	82	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUYNH TRUNG	TD5	83	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TUNG DUONG	TD5	80	1	8			58	ANTOAN	Vietnamese
16	TRAN DAC THANG	TD5	85	1	3			73	PSV	Vietnamese
17	LE PHAT THINH	TD5	72	1	6			90	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN VINH	SAVR	16	1	14			90	DVL	Vietnamese
19	DANG QUOC DAT	SAVR	18	1	12	2	45	79	DVL	Vietnamese
20	TRAN VAN THUAT	SAVR	14-15	2	18			73	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN CHI LINH	SAVR	17	1	10			80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	17	1.260	19	141	0	0	15	 CHUYEN 1 PAX TD5-CLO	
2	SAVR	4	322	5	54	2	45	6		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.582	24	195	2	45	22		
WEIGHT KG			1.582		195		45			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

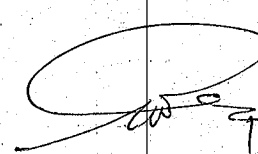
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2025	TO: AMD - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO -	ETA: 11:40
XANH-2		QTRUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LA NGOC HOAN	AMD	24	1	9			72	HLJOC	Vietnamese
2	TRAN DAI NGHIA	AMD	27	1	7			71	HLJOC	Vietnamese
3	DO ĐỨC THỊNH	AMD	33	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	43	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	40-41	2	18			96	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THIN	AMD	31	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	AMD	42	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG PHAT	AMD	35-36	2	10			78	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG DINH VINH	AMD	25-26	2	12			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LUONG HA NAM	AMD	38-39	2	10	6	110	75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET THANG	AMD	37	1	8	1	18	79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU LUAT	AMD	28	1	4	1	10	67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DAN	AMD	23	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM XUAN QUY	AMD	10	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN TUAN	AMD	44	1	6			72	CODIEN	Vietnamese
16	BUI VIET HANH	AMD	32	1	8			46	CODIEN	Vietnamese
17	PHAM VAN DINH	AMD	34	1	11			75	CODIEN	Vietnamese
18	LEU VINH AN	AMD	29-30	2	9			59	CODIEN	Vietnamese
19	PHAN VAN LE	AMD	19-20	2	17			71	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC TOAN	AMD	21-22	2	15			57	T-TIN	Vietnamese
21	HỒ TRỌNG HÙNG	AMD	11	1	15			77	PHATECO	Vietnamese
22	LE VINH HIỆP	AMD	12	1	8			89	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		AMD	22	1.560	29	209	8	138	12			
2		BK6	0	0	0	0	1	13	10			
		TOTAL	22	1.560	29	209	9	151	22			
		WEIGHT KG		1.560		209		151				

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2025	TO: P4 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - THANH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TA CAO BIEN	P4	59	1	3	3	50	68	D-HANH	Vietnamese
2	VU VAN MANH	P4	71	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN BINH ĐỨC	P4	73	1	4			67	KHI	Vietnamese
4	LE VAN HUONG	P4	60	1	5			65	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN BACH DUONG	P4	66	1	5			73	KHI	Vietnamese
6	NGO THANH LAM	P4	61	1	3			67	KHI	Vietnamese
7	TRAN SON NAM	P4	72	1	4			85	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN MINH ĐỨC	P4	67	1	6			98	KHI	Vietnamese
9	LUONG TUAN CHUNG	P4						74	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN QUYEN	P4	68	1	3	2	21	76	KHI	Vietnamese
11	HOANG VAN HUNG	P4						75	KHI	Vietnamese
12	ZHURBIN N B	P4	62	1	5			92	KHI	Russian
13	PHAM THANH BINH	P4	56	1	2			83	ANTOAN	Vietnamese
14	TA VAN QUYNH	P4						74	KHI	Vietnamese
15	TRAN VAN PHUC	P4	65	1	3			70	KHI	Vietnamese
16	VU NGOC TUAN	P4	63	1	4			84	KHI	Vietnamese
17	ĐANG THE HUY	P4	64	1	10			96	KHI	Vietnamese
18	PHAM CONG DIEN	P4						75	PSV	Vietnamese
19	TRINH CONG SON	P4	57	1	4			83	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN ĐANG HAI AU	P4	58	1	4			93	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC CUONG	AMD	04	1	6	1	10	67	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO QUANG HUNG	AMD	06	1	9			114	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P4	20	1.580	16	68	5	71	18			
2		AMD	2	181	2	15	1	10	4			
		TOTAL	22	1.761	18	83	6	81	22			
		WEIGHT KG		1.761		83		81				

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/05/2025	TO: RP3 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: PHÚ - VTHU - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

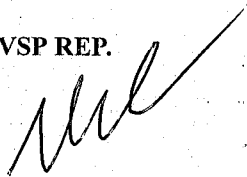
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	95	1	5			79	KHI	Vietnamese
2	LÊ XUÂN VIỆT	RP3						79	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	92	1	9	1	15	73	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	93	1	4			75	KHI	Vietnamese
5	PHẠM DUY DUNG	RP3						81	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG ĐỨC LAM ANH	RP3	96	1	4			76	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	97	1	7			73	KHI	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN VAO	RP3	94	1	4			80	KHI	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	98	1	5			74	KHI	Vietnamese
10	LAM QUANG THANH	PPD	80-81	2	14			90	T-TIN	Vietnamese
11	ĐO TRUNG KIẾN	PPD	43-44	2	9			71	YTE	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	PPD	76	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
13	VU THANH ĐẠT	PPD	67-70	4	19			69	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	PPD	42	1	5			73	KHI	Vietnamese
15	TRẦN SƠN HAI	PPD	71	1	6			74	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG HUY TIẾN	PPD	72	1	6			59	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUÔNG	PPD	46	1	9			72	KHI	Vietnamese
18	DUƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	45	1	8	2	37	66	KHI	Vietnamese
19	PHẠM QUANG HUY	PPD	75	1	8			103	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MINH TÂM	PPD	77-78	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ ANH CƯỜNG	PPD	73	1	10	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG TRUNG	PPD	79	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

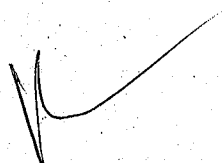
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP3	9	690	7	38	1	15	8			
2		PPD	13	962	19	139	3	52	14			
		TOTAL	22	1.652	26	177	4	67	22			
		WEIGHT KG		1.652		177		67				

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/05/2025	TO: CTK3 - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO -	ETA: 14:00
NẤU-3		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	3000	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG THÀNH	CTK3	93	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRỌNG HỘI	CTK3	53	1	14			64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	CTK3	800	1	13			95	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	CTK3	94-95	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THANH HOẠT	CTK3	72	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGỌC NAM	CTK3	97	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT LONG	CTK3	96	1	6	2	50	67	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI CÔNG THẮNG	CTK3	81	1	5	2	30	61	KH-THAC	Vietnamese
10	VU TRẦN TRUNG	CTK3	54-55	2	19			72	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN XUAN HOAN	CTK3	98-99	2	12			67	CODIEN	Vietnamese
12	KIM NHẬT THANH	CTK3	82	1	5			70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH KHA	CTK3	87-88	2	12			66	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG TRUNG	CTK3	91-92	2	19			77	CODIEN	Vietnamese
15	ĐỖ XUÂN THẮNG	CTK3	89-90	2	17			85	CODIEN	Vietnamese
16	ĐÀO VĂN KHÔI	CTK3	83-84	2	14			53	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TRINH	CTK3	86	1	9			71	XAYLAP	Vietnamese
18	LƯU VĂN SƠN	BK16	33	1	5	1	14	71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	31	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT TIỀN	BK16	35	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HÀ	BK16	32	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
22	VU ĐÌNH CHIÊN	BK16	34	1	5			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		CTK3	17	1.202	24	187	4	80	15			
2		BK16	5	362	5	27	1	14	5			
3		GTC1	0	0	0	0	0	0	2			
		TOTAL	22	1.564	29	214	5	94	22			
		WEIGHT KG		1.564		214		94				

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

PC Ok tại

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/05/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: MMINH - VLINH	ETA: 13:20
TRANG-2			

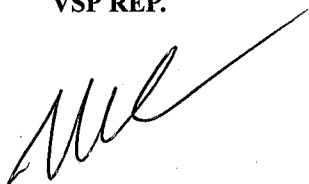
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KHUONG VAN DINH	RP3	23	1	9	4	70	65	KHI	Vietnamese
2	TRAN DUY TAN	RP3	20	1	5			75	KHI	Vietnamese
3	TRAN VAN TOAN	RP3	03	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN HONG THANH	RP3	02	1	17			73	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN THANH TUNG	RP3	08-09	2	13			78	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VIET HUY	RP3	16-17	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN THANH DUY	RP3	06	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG TUNG	RP3	07	1	15			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NHAN	RP3	10-11	2	7			73	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI CONG LAN	RP3	99	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC SANG	RP3	05	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG HA	RP3	04	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHIEM	RP3	22	1	10			66	KHI	Vietnamese
14	VO PHI HO	RP3	24	1	12			86	KHI	Vietnamese
15	DO QUOC PHONG	RP3	21	1	8			71	KHI	Vietnamese
16	PHUNG BA CHIEN	RP3	800,01	2	13			70	KHI	Vietnamese
17	PHAN ANH KHANG	RP3	12-13	2	18			67	KHI	Vietnamese
18	BUI TRONG TRIU	RP3	18-19	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
19	LE VAN TUNG	RP3	14-15	2	13			60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

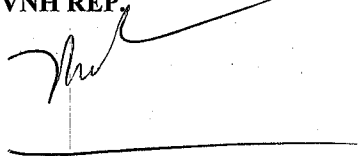
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP3	19	1.371	26	213	4	70	19			
		TOTAL	19	1.371	26	213	4	70	19			
		WEIGHT KG		1.371		213		70				

GRAND TOTAL: 1.654 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

